

Một số thành tựu và nguyên nhân phát triển kinh tế của Hàn Quốc giai đoạn 2001 - 2010

Nguyễn Anh Chương¹

Tóm tắt: Bước vào thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, trong bối cảnh tác động của khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu, Hàn Quốc đã nhanh chóng vượt qua và vươn lên trở thành một quốc gia phát triển. Việc kịp thời áp dụng thực hiện nhiều chính sách, biện pháp mang tính sáng tạo, đột phá là nguyên nhân cơ bản giúp cho nền kinh tế của nước này đạt được nhiều thành tựu. Trong vòng 10 năm (2001-2010), quy mô nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP, thu nhập bình quân đầu người của Hàn Quốc liên tục phát triển; các chỉ số phát triển về công nghiệp, nông nghiệp, quan hệ thương mại và đầu tư... đều gia tăng mạnh mẽ. Những thành tựu này giúp Hàn Quốc trở thành nền kinh tế phát triển, là một trong bốn “con rồng châu Á” và gia nhập vào nhóm các nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20). Bài viết tập trung làm rõ những thành tựu và nguyên nhân chủ yếu trong phát triển kinh tế của Hàn Quốc giai đoạn 2001-2010, từ đó đưa ra một số kết luận.

Từ khóa: Hàn Quốc, kinh tế, công nghiệp, đầu tư

Trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, thế giới đã phải chứng kiến nhiều biến động về kinh tế - xã hội. Nền kinh tế toàn cầu chịu tác động sâu sắc bởi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á giai đoạn 1997-1998 và sau đó là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vào những năm 2008-2010. Tình trạng suy thoái kinh tế trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình phát triển của các quốc gia, khu vực, trong đó có Hàn Quốc. Trong bối cảnh đó, thông qua việc điều chỉnh và thực hiện kịp thời nhiều chính sách, biện pháp mang tính sáng tạo, đột phá, Hàn Quốc đã nhanh chóng vượt qua khủng hoảng kinh tế để vươn lên trở thành một quốc gia phát triển trên thế giới.

1. Một số thành tựu phát triển kinh tế của Hàn Quốc (2001-2010)

1.1. Về quy mô nền kinh tế

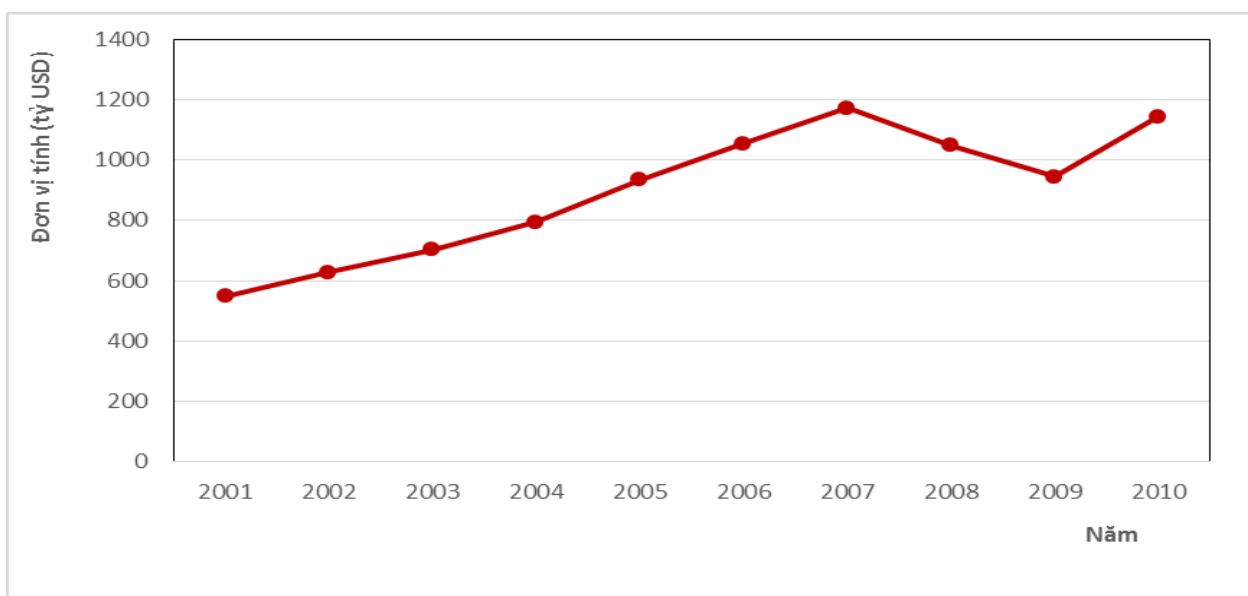
Trong giai đoạn 2001-2010, tình hình kinh tế thế giới nói chung, ở các nước nói riêng, gặp phải nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc không ngừng phát triển. Tại Biểu đồ 1, tổng GDP của Hàn Quốc trong 10 năm (2001-2010) đạt mức 8.966,88 tỷ USD, với tốc độ phát triển nhanh chóng, tăng từ 547,66 tỷ USD năm 2001 lên đến 1.144,06 tỷ USD vào năm 2010. Trong đó, GDP của các năm 2006, 2007, 2008, 2010 đều đạt mức trên 1 nghìn tỷ USD, lần lượt là: 1.053,22 tỷ USD; 1.172,61 tỷ USD; 1.047,34 tỷ USD và 1.44,06 tỷ USD. Tăng trưởng GDP bình quân của Hàn Quốc giai

¹ TS., Trường Đại học Vinh

đoạn này đạt 4,69%, trong đó mức đạt cao nhất là 7,73% (năm 2002). Năm 2009, mức tăng trưởng GDP chỉ đạt 0,79% (mức thấp

nhất trong cả giai đoạn), nhưng đến năm 2010 đã tăng trưởng mạnh mẽ trở lại với mức 6,80%.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của Hàn Quốc giai đoạn 2001 – 2010



Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp số liệu từ website: <https://solieukinhhte.com/han-quoc/>

Với quy mô phát triển này, Hàn Quốc được xếp vào nhóm 20 nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Từ năm 2003, Hàn Quốc đã vươn lên xếp thứ 11 các nền kinh tế lớn của thế giới. Tuy có sự sụt giảm vào các năm 2008 và 2009 do ảnh hưởng chung của khủng hoảng kinh tế nhưng Hàn Quốc đã nhanh chóng phục hồi sau đó và xếp ở vị trí thứ 15 trên toàn thế giới. Tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức bình quân là 3,09%², tỷ lệ thất nghiệp ở mức 3,36%, thấp hơn nhiều so với 6,96% của năm 1998³.

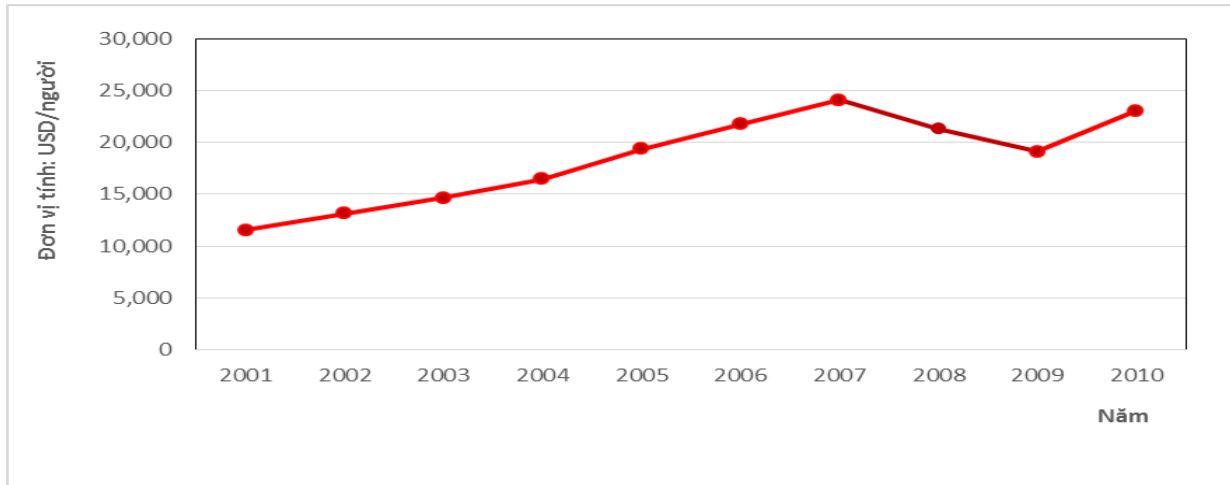
Cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế, GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc

cũng không ngừng được nâng lên, Hàn Quốc trở thành một trong những quốc gia phát triển đạt chỉ số cao (Biểu đồ 2). Nếu như năm 2001, GDP bình quân đầu người mới ở mức 11.561 USD, thì năm 2005 con số này đạt 19.403 USD, đến năm 2010 tuy có giảm so với năm 2007 (24.086 USD) nhưng vẫn đạt mức 23.087 USD/người (tăng hơn gấp đôi so với năm 2001)⁴. Nếu tính bình quân chung cho cả giai đoạn 2001-2010 thì GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc đạt mức 18.470 USD/người/năm.

² “Tỷ lệ lạm phát của Hàn Quốc giai đoạn 1991-2021”, <https://solieukinhhte.com/ty-le-lam-phat-han-quoc/>.

³ “Tỷ lệ thất nghiệp của Hàn Quốc giai đoạn 1991-2021”, <https://solieukinhhte.com/ty-le-that-nghiep-han-quoc/>.

⁴ “Vai trò của giao thông vận tải trong phát triển công nghiệp hậu cần Hàn Quốc”, <https://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/vai-tro-cua-giao-thong-van-tai-trong-phat-trien-cong-nghiep-hau-can-han-quoc-104705.html>.

Biểu đồ 2: Tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc giai đoạn 2001 - 2010

Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp số liệu từ website: <https://solieukinhhte.com/han-quoc/>

1.2. Về công nghiệp sản xuất, chế tạo

Trong giai đoạn 2001-2010, với chiến lược đầu tư phát triển công nghiệp mũi nhọn, một số ngành công nghiệp vốn có thế mạnh như chế tạo ô tô, đóng tàu, bán dẫn, hóa dầu, luyện kim... không ngừng phát triển và mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới.

- Công nghiệp chế tạo ô tô, đóng tàu:

Mặc dù bắt đầu muộn hơn so với một số nước phát triển nhưng công nghiệp chế tạo ô tô của Hàn Quốc phát triển nhanh chóng. Một số hãng ô tô hàng đầu của nước này từng bước mở rộng cơ sở sản xuất và chiếm lĩnh được thị trường ở nước ngoài. Chẳng hạn như hãng Hyundai - Kia từ vị trí thứ 10 về số lượng bán ra trên thế giới năm 2000 đã vươn lên vị trí thứ 6 năm 2006, vị trí thứ 5 vào năm 2007. Đến năm 2009, hãng này lần đầu tiên vượt qua một số thương hiệu ô tô lớn của các nước để xếp vị trí thứ 4 về số lượng bán ra trên toàn thế giới (đạt khoảng 2.145 chiếc). Việc đầu tư xây dựng hệ thống các hải cảng, sản xuất tàu thuyền vận tải hàng hóa đường biển có tải trọng lớn (vốn là thế mạnh của nước này) đóng một vai trò

quan trọng đối với chiến lược phát triển kinh tế của Hàn Quốc. Năm 2011, Hàn Quốc vươn lên trở thành nước có nhiều nhất về số lượng đơn đặt hàng (chiếm hơn 40% tổng số đơn đặt hàng đóng tàu của thế giới) và số lượng tàu được đóng mới của thế giới.

- Công nghiệp bán dẫn, điện tử, công nghệ thông tin:

Với chính sách đầu tư phát triển công nghệ, Hàn Quốc trở thành một trong những nước dẫn đầu thế giới về thiết kế và chế tạo chất bán dẫn (RAM, DRAM, bộ nhớ flash, chip,...), chiếm khoảng 11% thị phần của thế giới. Hàn Quốc đã nhanh chóng vươn lên trở thành “một nước sáng tạo” khi cung cấp ra thị trường khu vực và thế giới những sản phẩm công nghệ tiên tiến. Năm 2008, công ty sản xuất chất bán dẫn của Hàn Quốc là Samsung Electronics và SK Hynix lần lượt giữ hai vị trí cao nhất trong bảng xếp hạng của thế giới (chiếm trên 50% thị trường toàn cầu). Công nghệ sản xuất ti vi màn hình tinh thể lỏng (LCD), điện thoại thông minh, màn hình LED, ti vi kỹ thuật số, máy in, tủ lạnh, thiết bị mạng viễn thông...

cũng chiếm lĩnh thị trường nhiều nước trên thế giới. Trong đó, riêng doanh số bán ra của các nhà sản xuất LED đạt mức 3,1 nghìn tỷ won (khoảng 2,9 tỷ USD) năm 2009, nhưng đến năm 2010 đã lên đến 6,9 nghìn tỷ won (khoảng 6,35 tỷ USD), tăng từ vị trí thứ 4 lên vị trí thứ 2 trên toàn thế giới. Các sản phẩm về công nghệ thông tin (linh kiện, thiết bị, phần mềm, chip máy tính...) đạt giá trị xuất khẩu khoảng 72,28 tỷ USD, chiếm tới hơn 30% tổng lượng hàng hóa xuất khẩu của Hàn Quốc. Tăng trưởng thương mại điện tử giai đoạn 2003-2008 tăng từ 7,2 triệu lên 12,8 triệu lượt giao dịch. Số lượng doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin tăng từ 14,026 triệu lên 16,757 triệu doanh nghiệp, số lượng nhân công làm việc trong lĩnh vực này tăng từ 642 nghìn người lên 716 nghìn người.

1.3. Về công nghiệp hậu cần, giao thông vận tải

Để giảm chi phí và tiết kiệm thời gian và nhân lực phục vụ hiện đại hóa nền kinh tế, Hàn Quốc đã tập trung đầu tư phát triển ngành công nghiệp hậu cần. Ngành hậu cần của nước này tăng trưởng nhanh nhờ có dịch vụ giao thông vận tải hàng không và đường biển thuận tiện ở phía Đông Bắc của Trung Quốc, bờ biển phía Tây của Nhật Bản và ở khu vực viễn Đông của Nga⁵. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải được xem là nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển công nghiệp hậu cần ở Hàn Quốc.

Đường cao tốc Seoul - Busan có chiều dài 428 km trở thành huyết mạch kết nối giao

thông, kinh tế giữa thủ đô Seoul với một trong những thành phố lớn nhất là Busan, chiếm khoảng 63% tổng dân số, 63% tổng GDP và 83% giá trị sản lượng công nghiệp. Nó đã tạo điều kiện triển khai các dự án kinh tế tập trung dọc theo hành lang Seoul - Busan, đưa Busan trở thành một cảng biển sâu uất nhất, đồng thời phát triển Seoul trở thành trung tâm kinh tế của cả nước; thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa ra bên ngoài thông qua việc cắt giảm chi phí hậu cần liên quan.

Sân bay quốc tế Incheon (Incheon International Airport) được xây dựng với tổng diện tích 54 ha, chính thức đi vào hoạt động từ năm 2001 và trở thành tổ hợp dịch vụ hậu cần với khoảng 470 nghìn m². Sân bay này là cửa ngõ giao thông trọng yếu giữa Hàn Quốc với các nước bên ngoài, trong đó đã cung cấp dịch vụ bay đến 33 thành phố lớn của Trung Quốc, 26 thành phố của Nhật Bản và có đường bay tới tất cả các nước trong khu vực châu Á. Khối lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không của Hàn Quốc vào năm 2010 đã tăng lên 7,8%. Năm 2009, sân bay quốc tế Incheon được xếp ở vị trí đầu tiên trong danh sách sân bay tốt nhất thế giới theo khảo sát của tổ chức xếp hạng vận tải hàng không (Skytrax).

Busan và Gwangyang là hai cảng biển có vị trí quan trọng của Hàn Quốc, nối liền với 45 cảng biển của Trung Quốc, 60 cảng biển của Nhật Bản và 5 cảng biển của Nga. Cảng Busan được xếp thứ 5 trên toàn thế giới về khối lượng vận chuyển hàng hóa và cũng là hải cảng lớn nhất của Hàn Quốc, chiếm 66% khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của Hàn Quốc với bên ngoài. Hoạt động dịch vụ hậu cần tại cảng Busan và Gwangyang đã thu hút đầu tư của 40 công ty trong ngành

⁵ “Vai trò của giao thông vận tải trong phát triển công nghiệp hậu cần Hàn Quốc”, <https://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/vai-tro-cua-giao-thong-van-tai-trong-phat-trien-cong-nghiep-hau-can-han-quoc-104705.html>.

hậu cần và ngành công nghiệp chế tạo trên thế giới.

Đường sắt cao tốc Seoul - Busan được xem là đột phá công nghệ của Hàn Quốc trong quá trình hiện đại hóa giao thông để phát triển công nghiệp hậu cần. Tuyến đường sắt này đã trở thành huyết mạch nối liền với các tuyến cao tốc khác hình thành nên mạng lưới giao thông trong cả nước để phục vụ cho phát triển.

Theo thống kê, ngành công nghiệp hậu cần đóng góp 59 nghìn tỉ won trong năm 2004, chiếm khoảng 7,6% GDP của Hàn Quốc⁶. Năm 2010, ngành công nghiệp hậu cần tăng trưởng 12% so với 3% năm 2009. Xét về chỉ số phát triển hậu cần dựa trên các tiêu chí như thủ tục hải quan, chi phí hậu cần, chất lượng cơ sở hạ tầng, Hàn Quốc được Ngân hàng Thế giới (WB) xếp ở vị trí thứ 25 trong số các quốc gia trên toàn thế giới.

1.4. Về nông nghiệp

Để giải quyết vấn đề thiếu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp do quá trình phát triển công nghiệp hóa, Hàn Quốc đã thúc đẩy cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Hàn Quốc tập trung phát triển nông nghiệp vào việc tăng sản lượng lên mức tối đa diện tích trồng trọt có hạn của đất nước (vốn chỉ chiếm 19% tổng diện tích đất đai). Hàn Quốc đã tiến hành nghiên cứu thí nghiệm và áp dụng thí điểm một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao với kỹ thuật sản xuất hiện đại, bảo đảm an toàn vệ sinh, môi trường và cho sản lượng thu hoạch lớn.

Trong đó chủ yếu là ứng dụng phát triển các loại cây nhiên liệu sinh học, các giống rau, củ, quả cao cấp; đẩy mạnh công nghệ sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, sản xuất thực phẩm an toàn, phát triển cây ăn quả ôn đới, phát triển khuyến nông; phát triển ngành công nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Mặc dù tăng trưởng nông nghiệp có chiều hướng giảm nhưng Hàn Quốc vẫn đạt được mục tiêu hàng đầu là bảo đảm nguồn cung trong nước về lương thực, nhất là đối với gạo. Năm 2005, sản lượng sản xuất gạo của nước này đạt 4,8 triệu tấn⁷. Bên cạnh đó, hoạt động dịch vụ du lịch nông thôn cũng được đẩy mạnh, góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn của Hàn Quốc. Với chương trình đầu tư của chính phủ và kêu gọi các doanh nghiệp cùng tham gia, Hàn Quốc đã xây dựng được nhiều khu du lịch nông thôn kết hợp với mô hình “Làng mới” (Saemaul undong) trong cả nước. Các khu du lịch này đã thu hút một lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế đến tham quan trải nghiệm, qua đó tăng nguồn thu cho người dân. Ví dụ, trong năm 2008, làng du lịch Buraemi thu hút khoảng hơn 2 vạn khách du lịch với kinh phí thu được là 500 nghìn USD, làng Dareng với 58 hộ dân cũng thu được 400 nghìn USD...

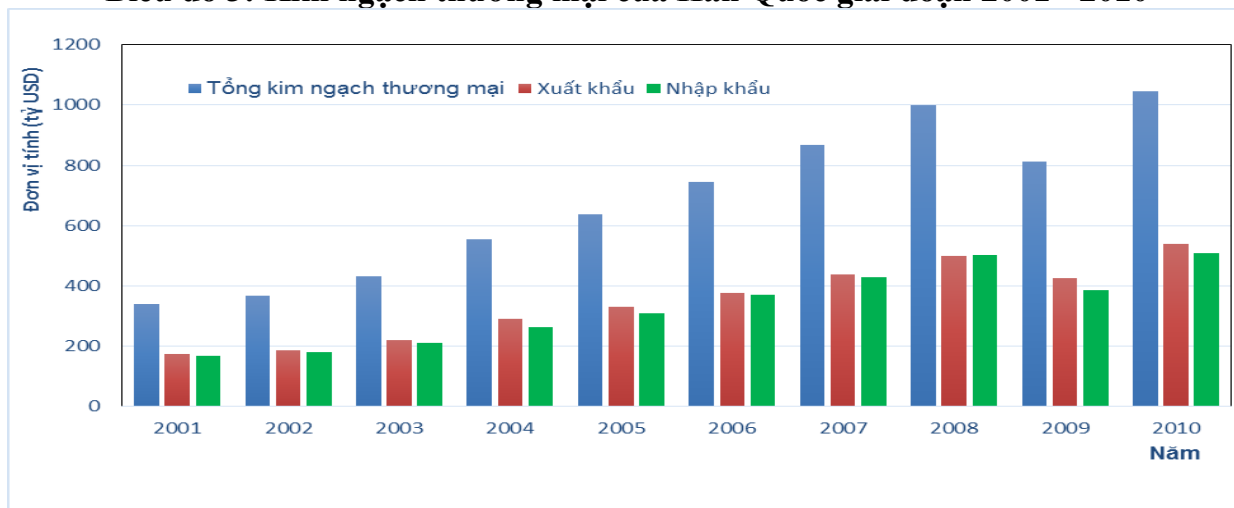
1.5. Về thương mại và đầu tư

Trong giai đoạn 2001-2010, mặc dù kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn do tác động của suy thoái kinh tế nhưng hoạt động ngoại thương của Hàn Quốc vẫn không ngừng phát triển về quy mô và mức độ tăng trưởng.

⁶ Phạm Thị Thanh Bình, Nhan Cẩm Trí, “Thực trạng phát triển công nghiệp hậu cần Hàn Quốc và vai trò của giao thông vận tải”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 1 (131), 2012, tr. 38.

⁷ Thông tin hải ngoại Hàn Quốc, *Hàn Quốc: Đất nước - Con người*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 78.

Biểu đồ 3: Kim ngạch thương mại của Hàn Quốc giai đoạn 2001 - 2010



Nguồn: Tác giả tính toán và tổng hợp số liệu từ website: <https://solieukinhte.com/han-quoc/>

Tổng giá trị kim ngạch thương mại của Hàn Quốc đạt 6.800,26 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 3.480,94 tỷ USD, nhập khẩu đạt 3.319,32 tỷ USD, thặng dư thương mại đạt giá trị 161,62 tỷ USD. Trong vòng 10 năm, thương mại của Hàn Quốc có sự tăng trưởng nhanh chóng. Nếu như năm 2001, kim ngạch thương mại mới chỉ có 340,77 tỷ USD (xuất khẩu 174,08 tỷ USD, nhập khẩu 166,69 tỷ USD) thì đến năm 2010 đã tăng lên đến 1.045,67 tỷ USD (xuất khẩu 538,90 tỷ USD, nhập khẩu 506,77 tỷ USD). Cán cân thương mại luôn thặng dư và không ngừng tăng lên do xuất siêu hàng hóa theo từng năm, trừ năm 2008 (-2.43 tỷ USD). Trong đó, các năm 2004, 2005, 2009 và 2010 ghi nhận đạt giá trị thặng dư thương mại lớn, lần lượt là: 27,71 tỷ USD, 20,96 tỷ USD, 39,99 tỷ USD và 32,13 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Hàn Quốc gồm có: linh kiện bán dẫn, điện tử, thiết bị viễn thông không dây, ô tô, máy tính, thép, tàu biển, hoá chất... Đối tác xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc (chiếm 21,5%), Mỹ (chiếm 10,9%), Nhật Bản (chiếm 6,6%), các thị

trường còn lại (chiếm 61%). Hàn Quốc nhập khẩu từ các nước và vùng lãnh thổ bên ngoài chủ yếu là máy móc, thiết bị điện tử, dầu, hoá chất hữu cơ, nhựa, thiết bị giao thông vận tải... Trong đó, giá trị nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc chiếm 11,7%, Nhật Bản chiếm 10%, Mỹ chiếm 8,9%, Australia chiếm 4,1%. Cùng với thương mại, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hàn Quốc giai đoạn 2000-2010 tuy có sụt giảm do tác động của tình hình thế giới nhưng vẫn cơ bản giữ được mức ổn định so với một số nước trong khu vực. Mặc dù có giảm so với năm 2004 (12,8 tỷ USD) nhưng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hàn Quốc vào các năm 2005, 2007 lần lượt đạt mức 11,6 tỷ USD và 10,5 tỷ USD. Tổ chức Dịch vụ nhà đầu tư của Moody (Moody's Investors Service - MIS) xếp hạng tín nhiệm từ hạng A3 lên A2 trên thị trường tín dụng quốc tế⁸.

⁸ Trịnh Ngọc Nghĩa, “Kinh tế Hàn Quốc dưới thời Tổng thống Romu Hiêng”, Tạp chí *Đông Bắc Á*, số 3(85), 2008, tr 35.

Sự phát triển mạnh mẽ về thương mại và đầu tư trong giai đoạn này đã góp phần giúp Hàn Quốc trở thành nước phát triển nằm trong nhóm dẫn đầu thế giới về hoạt động ngoại thương, cùng với Mỹ, Nhật Bản, Đức, Trung Quốc và một số nước ở Tây Âu. Năm 2007, Hàn Quốc xếp vị trí thứ 11, năm 2009 xếp vị trí thứ 10 và đến năm 2010 đã vươn lên xếp ở vị trí thứ 7 trên toàn thế giới.

2. Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy kinh tế Hàn Quốc phát triển

- Hàn Quốc sớm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hướng ngoại, trong đó lấy xuất khẩu và tập trung phát triển công nghệ cao làm động lực tăng trưởng nền kinh tế đất nước.

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính, kinh tế khu vực và thế giới, Hàn Quốc đã nhanh chóng tiến hành cải cách, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện các chính sách ổn định môi trường đầu tư, kinh doanh trong nước. Tổng thống Hàn Quốc lúc bấy giờ là Lee Myung-bak cho rằng: “Cuộc khủng hoảng này có thể thúc đẩy giấc mơ trở thành một quốc gia tiên tiến hạng nhất của chúng ta”⁹. Chính phủ Hàn Quốc đưa ra những biện pháp kích cầu như lợi tức thuế quan, sử dụng nguồn ngân sách dự trữ để hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn, thúc đẩy tiêu dùng trong nước, thu hút đầu tư nước ngoài để hạn chế tác động của khủng hoảng kinh tế, đưa nền kinh tế phát triển mạnh mẽ. Cùng với đó, Hàn Quốc đẩy mạnh việc bảo vệ và mở rộng thị trường ra bên ngoài. Trước hết là ưu

tiên cho việc thúc đẩy hoạt động xuất khẩu ra nước ngoài để khắc phục những hạn chế của thị trường trong nước, mở rộng thị trường các ngành công nghiệp vốn có thế mạnh, qua đó để nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước hiện đại hóa theo chuẩn mực quốc tế. Việc áp dụng thực hiện chiến lược này cũng đã giúp Hàn Quốc tận dụng được nguồn lao động dồi dào thông qua phân công lao động quốc tế, giải quyết tình trạng khan hiếm về tài nguyên trong nước để phục vụ phát triển các ngành công nghiệp. Song song với đó, Hàn Quốc ưu tiên đầu tư phát triển các lĩnh vực, ngành công nghiệp sản xuất, dịch vụ có hàm lượng khoa học và công nghệ cao. Chính phủ đẩy mạnh đầu tư cho các ngành cần nhiều chất xám, trong đó đã thành lập nhiều trung tâm nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao công nghệ được trang bị cơ sở vật chất hiện đại, đầu tư nguồn kinh phí để hoạt động.

- Đầu tư cho khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế.

Là một quốc gia có dân số không lớn so với một số trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản... nhưng quá trình phát triển của Hàn Quốc chủ yếu dựa vào nguồn nhân lực trong nước¹⁰. Chiến lược đầu tư phát triển khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực được Hàn Quốc quan tâm đúng mức, nhất là kể từ sau năm 2001. Kinh phí đầu tư cho giáo dục và đào tạo chiếm khoảng 7,6% (riêng giáo dục đại học là 2,6%) GDP của Hàn Quốc trong năm 2010.

⁹ Michael Freedman and B. J. Lee, “South Korea Survived Recession with CEO Tactics”, Newsweek 5 October 2010, <http://www.newsweek.com/south-korea-survived-recession-ceo-tactics-216564>.

¹⁰ Dân số Hàn Quốc hiện nay có khoảng hơn 51 triệu người, xếp thứ 28 trên thế giới.

Mức đầu tư này cao hơn nhiều so với mức trung bình 6,3% của các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Hệ thống giáo dục quốc dân bài bản, hiện đại đã giúp Hàn Quốc sở hữu một đội ngũ nhân lực trình độ cao với tinh thần làm việc chuyên nghiệp, năng động. Điều này đã góp phần quan trọng dẫn đến sự “bùng nổ” của các ngành/lĩnh vực công nghệ cao, qua đó thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển¹¹.

Nhiều chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhân lực có trình độ cao của Hàn Quốc được gửi đi đào tạo, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài thông qua các hình thức khác nhau. Chính phủ có các cơ chế chính sách cam kết, khuyến khích những người đi nước ngoài trở về phục vụ đất nước. Lực lượng này đã đóng vai trò nòng cốt trong việc chuyển giao trình độ khoa học công nghệ, các mô hình sản xuất và kinh nghiệm quản lý của các nước phát triển vào thực tiễn của đất nước, đồng thời hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực kế tiếp cho quốc gia. Hàn Quốc rất chú trọng đào tạo bậc đại học, đào tạo nghề chuyên sâu, trong đó nhấn mạnh đến phẩm chất của người học như sự chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc, khả năng thích ứng... Hàng năm, các cơ sở giáo dục đại học của Hàn Quốc đã đào tạo hàng trăm ngàn sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh với chất lượng cao, bổ sung kịp thời đội ngũ nhân lực trong nước. Những người có trình độ và học vấn cao được coi là “tài nguyên cơ bản” giúp Hàn Quốc phát triển nhanh chóng trong

những thập kỷ vừa qua. Cũng có thể nói, “Hàn Quốc đã tự mình đi lên bằng con đường học cật lực, làm cật lực”, đây được xem là một “phép lạ do con người làm nên”¹².

- Phát huy vai trò năng động, sáng tạo của chính phủ trong quá trình vận hành và điều tiết nền kinh tế phù hợp với xu thế vận động của thế giới.

Trước bối cảnh tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và kinh tế toàn cầu, Chính phủ Hàn Quốc đã kịp thời có các chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi, đảm bảo sự ổn định về chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Chính phủ thực hiện nhiều biện pháp khác nhau, kiên quyết xử lý tình trạng tham nhũng, buôn lậu, sản xuất hàng giả, đầu cơ, thao túng thị trường kinh tế; quản lý phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài; minh bạch hoá các cơ chế chính sách, đơn giản các hóa thủ tục hành chính, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, cạnh tranh công bằng, lành mạnh. Chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện vai trò quản lý điều tiết vĩ mô trong việc tạo sự ổn định về thị trường tài chính, tiền tệ trong nước, thắt chặt kiểm soát tình trạng lạm phát; thu hút vốn đầu tư nước ngoài, giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế; cân bằng thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu với bên ngoài. Chính phủ Hàn Quốc đã thành công với việc định hướng thị trường trong một quỹ đạo nhất định, bằng cách tạo ra những động lực phát triển mới ở một số ngành/lĩnh vực công

¹¹ “High performance, high pressure in South Korea’s education system”, International Consultants for Education and Fairs (ICEF) 23 Jan 2014, <https://monitor.icef.com/2014/01/high-performance-high-pressure-in-south-koreas-education-system/>.

¹² Đoàn Khắc Xuyên, *Bí quyết hóa rồng*, Nxb Trẻ, 1993.

ngành chủ chốt. Hàn Quốc đã thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế để phù hợp với yêu cầu bối cảnh, trong đó tập trung ưu tiên các ngành công nghiệp chế tạo và dịch vụ. Nước này đã làm chủ được nhiều ngành/lĩnh vực có hàm lượng khoa học công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng lớn như kỹ thuật điện, điện tử, thiết bị viễn thông, phần mềm, dịch vụ tài chính, ngân hàng... Các lĩnh vực này chiếm tỉ trọng và đóng góp phần quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế của Hàn Quốc. Thông qua nhiều chính sách và giải pháp khác nhau, Chính phủ Hàn Quốc đã từng bước xác lập lòng tin của người dân đối với chính sách phát triển, khuyến khích và tạo cơ hội cho các tổ chức, cá nhân cùng tham gia phát triển kinh tế - xã hội và kiến tạo xây dựng đất nước.

- Thúc đẩy cải cách bộ máy hành chính nhà nước.

Để nâng cao hiệu quả thực thi hành chính nhà nước, Hàn Quốc đã không ngừng cải tiến, từng bước hiện đại hóa cơ chế hoạt động của bộ máy chính phủ. Bộ máy này được áp dụng cơ chế làm việc theo mô hình các nước phương Tây. Định kỳ hàng tháng, chính phủ tổ chức đối thoại giữa tổng thống với các doanh nghiệp lớn, các bộ ngành có liên quan nhằm cung cấp thông tin và giải quyết vướng mắc trong quá trình điều hành. Việc tuyển chọn, sát hạch, giám sát hoạt động đối với viên chức được thực hiện theo một cơ chế khoa học, đồng bộ, minh bạch và hiệu quả. Chính phủ căn cứ vào yêu cầu công việc trong từng lĩnh vực hoạt động kinh tế để tuyển chọn, sắp xếp bố trí bộ máy cơ quan nhà nước một cách hợp lý. Trong quá trình xây dựng bộ máy hiện đại hóa, Hàn

Quốc chú trọng chuyên môn hóa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ, coi trọng sử dụng những người có tài năng, nguồn nhân lực trở về từ nước ngoài. Chính phủ áp dụng nhiều biện pháp linh hoạt để loại bỏ dần các rào cản về thủ tục hành chính, sự can thiệp không cần thiết của nhà nước vào các hoạt động kinh tế, thương mại, đầu tư...

3. Kết luận

Trong giai đoạn 2001-2010, nhờ áp dụng kịp thời các chính sách, biện pháp mang tính sáng tạo, đột phá, Hàn Quốc đã vượt qua những khó khăn của khủng hoảng kinh tế thế giới và vươn lên mạnh mẽ. Hàn Quốc đã thực hiện chiến lược phát triển kinh tế hướng ra bên ngoài, trong đó chú trọng đầu tư phát triển các ngành công nghiệp sản xuất và chế tạo, công nghiệp hậu cần, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa ra các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới; đầu tư phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền kinh tế; phát huy vai trò của chính phủ trong quá trình vận hành và điều tiết nền kinh tế phù hợp với bối cảnh mới; thúc đẩy cải cách bộ máy hành chính nhà nước... Nhờ đó, nền kinh tế Hàn Quốc đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, quy mô nền kinh tế từng bước được mở rộng. Tổng GDP, thu nhập bình quân đầu người liên tục tăng trưởng, tỷ lệ lạm phát được kiểm chế. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và đầu tư không ngừng phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng.

Có thể nói, Hàn Quốc là một trong số ít các nước phát triển trên thế giới có thể tránh được những tác động của cuộc đại suy thoái kinh tế toàn cầu từ cuối năm 2000 đến

những năm 2007-2010¹³. Điều này đã giúp Hàn Quốc từ một trong những nước nghèo trên thế giới trở thành một nền kinh tế phát triển có thu nhập cao, có nhiều lợi thế cạnh tranh với các quốc gia phát triển, Hàn Quốc sớm trở thành một trong bốn “con rồng châu Á” (cùng với Đài Loan, Singapore và Hồng Kông) và gia nhập vào nhóm các nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20)¹⁴. Chính những thành công trong giai đoạn 2001-2010 đã tạo nền tảng vững chắc cho nền kinh tế Hàn Quốc tiếp tục phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Việt Nam và Hàn Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng 12/1992. Trải qua hơn 30 năm, quan hệ giữa hai nước đã từng bước nâng lên thành quan hệ “Đối tác toàn diện” (2001), “Đối tác hợp tác chiến lược” (2009) và “Đối tác chiến lược toàn diện” (2022). Hiện nay, Hàn Quốc tiếp tục giữ vị trí là đối tác đầu tư lớn nhất và đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam¹⁵. Việc thúc đẩy hơn nữa quan hệ với Hàn Quốc sẽ giúp Việt Nam có cơ hội chuyển giao công nghệ, học hỏi kinh nghiệm quản lý, tận dụng nguồn vốn và thị trường giàu tiềm năng từ Hàn Quốc để phát triển nền kinh tế đất nước.

¹³ Michael Freedman and B. J. Lee, “South Korea Survived Recession with CEO Tactics”, *Newsweek* 5 October 2010, <http://www.newsweek.com/south-korea-survived-recession-ceo-tactics-216564>.

¹⁴ Jinyong Lee, Peter LaPlaca, Farhad Rassekh, “Korean economic growth and marketing practice progress: A role model for economic growth of developing countries”, *Industrial Marketing Management* 37 (2008), p. 754.

¹⁵ Kim ngạch thương mại Việt Nam - Hàn Quốc năm 2021 đạt 78,26 tỷ USD (tăng gấp 156 lần so với mức 500 triệu USD năm 1992), trong đó Việt Nam xuất khẩu đạt 21,95 tỷ USD, nhập khẩu đạt 56,31 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc tại Việt Nam theo lũy kế đến năm 2021 đạt 78,50 tỷ USD.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Thanh Bình, Nhan Cẩm Trí, “Thực trạng phát triển công nghiệp hậu cần Hàn Quốc và vai trò của giao thông vận tải”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 1(131), 2012.
2. “High performance, high pressure in South Korea’s education system”, International Consultants for Education and Fairs (ICEF) 23 Jan 2014, <https://monitor.icef.com/2014/01/high-performance-high-pressure-in-south-koreas-education-system/>.
3. Jinyong Lee, Peter LaPlaca, Farhad Rassekh, “Korean economic growth and marketing practice progress: A role model for economic growth of developing countries”, *Industrial Marketing Management* 37 (2008).
4. Michael Freedman and B. J. Lee, “South Korea Survived Recession with CEO Tactics”, *Newsweek* 5 October 2010, <http://www.newsweek.com/south-korea-survived-recession-ceo-tactics-216564>.
5. Trịnh Ngọc Nghĩa, “Kinh tế Hàn Quốc dưới thời Tổng thống Romu Hiêng”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 3 (85), 2008.
6. “Số liệu kinh tế Hàn Quốc”, <https://so.lieu.kinhte.com/han-quoc/>.
7. Thông tin hải ngoại Hàn Quốc, *Hàn Quốc: Đất nước - Con người*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2006.
8. “Vai trò của giao thông vận tải trong phát triển công nghiệp hậu cần Hàn Quốc”, <https://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/vai-tro-cua-giao-thong-van-tai-trong-phat-trien-cong-nghiep-hau-can-han-quoc-104705.html>.
9. Đoàn Khắc Xuyên, *Bí quyết hóa rồng*, Nxb Trẻ, 1993.

